| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 13- P** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 18A/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29/01/2026
V/v: ly hôn, nuôi con

**NHÂN DAH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13- P**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn ThAh Nhàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Duy Tỏi, Ông Bùi Xuân Nghỉ.

Thư ký phiên toà: Ông Phạm Đình Lân - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 13- P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13- P tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 13- P xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 181/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số 07/2026/QĐXX-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị Thu A, sinh ngày 08/11/2004.

Số CCCD: 030304000323

Nơi thường trú: thôn X, xã Nghĩa A, huyện Ninh GiAg, tỉnh G (Nay là thôn X, xã V, thành phố P).

Chỗ ở: thôn Đ, xã V, thành phố P.

- *Bị đơn*: Ah Phạm Xuân H, sinh năm 1991.

Số CCCD: 030091010484

Nơi thường trú: thôn Đ, xã Nghĩa A, huyện Ninh GiAg, tỉnh G (nay là thôn Đ, xã V, thành phố P).

*(Chị A vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; Ah H vắng mặt không có lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**** Tại đơn khởi kiện và quá trình làm việc với Toà án, nguyên đơn chị Phạm Thị Thu A trình bày:***

Về quA hệ hôn nhân: Chị và Ah Phạm Xuân H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa A, huyện Ninh GiAg, tỉnh G (nay là UBND xã V, thành phố P) ngày 24/3/2023. Sau khi kết hôn, Ah chị chung sống tại nhà bố mẹ đẻ chị, vợ chồng vui vẻ được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do Ah chị bất đồng quA điểm, không hợp nhau, không cùng suy nghĩ, thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Ah H nhiều lần đánh chửi chị trước mặt bố mẹ đẻ chị. Chị và gia đình đã nhiều lần góp ý, phân tích để Ah H nhận thức ra lỗi lầm của mình để thay đổi nhưng không có kết quả. Chị không thể tiếp tục chịu đựng thêm nữa nên đã sống ly thân Ah H đến nay là 7 tháng, không có biện pháp hàn gắn. Thời giA ly thân, vợ chồng không quA tâm

nhau, cuộc sống của ai người ấy lo. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn Ah H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Phạm Quỳnh Hương, sinh ngày 15/8/2023. Hiện con đAg ở cùng với chị. Ly hôn, chị xin được tiếp tục nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu Ah H cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị vẫn ở cùng nhà với bố mẹ đẻ, chị làm tự do buôn bán ở nhà có thu nhập và nơi ở ổn định. Gia đình có bố mẹ chị hỗ trợ trong nom, chăm sóc con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Quá trình làm việc với Toà án, bị đơn Ah Phạm Xuân H trình bày:***

Về điều kiện và thời giA kết hôn như chị A trình bày là đúng. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống tại gia đình vợ Ah và buôn bán tự do ở nhà. Ah chị chung sống vui vẻ đến tháng 9/2025 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do có hôm Ah đi chơi về, vợ chồng bất hoà xảy ra cãi nhau, Ah có nóng tính đánh vợ, sau đó chị A quay sAg lạnh nhạt không muốn ở cùng với Ah nữa. Bố mẹ hai bên có biết chuyện và khuyên giải vợ chồng để hàn gắn nhưng chị A không nghe, đòi ly hôn Ah. Vợ chồng ly thân từ tháng 8/2025 đến nay. Ah nhiều lần nói chuyện với chị A để vợ chồng bỏ qua cho nhau nhưng chị A vẫn kiên quyết muốn ly hôn. Nay chị A xin ly hôn, Ah không đồng ý vì muốn cho con có bố có mẹ.

Vợ chồng Ah có một con chung như chị A trình bày là đúng. Hiện con đAg ở cùng chị A tại nhà ông bà ngoại. Trường hợp vợ chồng ly hôn, Ah xin được trực tiếp nuôi con và không  yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13- P phát biểu ý kiến: Xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của HĐXX và thư ký phiên toà tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quA điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án xử: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ bA thường vụ Quốc Hội.

1. Về quA hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Thu A ly hôn Ah Phạm Xuân H.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Quỳnh Hương, sinh ngày 15/08/2023 cho chị Phạm Thị Thu A chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện không yêu cầu Ah H cấp dưỡng nuôi con chung. Ah H có quyền thăm non con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định, đối trừ với tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Phạm Thị Thu A yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 13- P giải quyết ly hôn với Ah Phạm Xuân H, đăng ký thường trú tại thôn X, xã V, thành phố P. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 13- P. Xác định quA hệ trAh chấp về Hôn nhân và gia đình là ly hôn, nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do nên Toà án tiến hành xét xử vụ án theo điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quA hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu A và Ah Phạm Xuân H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa A, huyện Ninh GiAg, tỉnh G (nay là UBND xã V, thành phố P) ngày 24/3/2023, nên quA hệ hôn nhân giữa Ah chị là hợp pháp.

Căn cứ lời khai của chị A, Ah H và các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Quá trình chung sống, Ah chị đã xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, đánh nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quA điểm, không có tiếng nói chung, không tôn trọng nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, hôn nhân không hạnh phúc. Mặc dù Ah H không đồng ý ly hôn, nhưng Ah không đưa ra được biện pháp hàn gắn để chị A chấp nhận về đoàn tụ, Ah cũng không tham gia phiên hoà giải do Toà án tiến hành. Điều đó cho thấy Ah chị không còn sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc nhau, đến nay Ah chị vẫn tiếp tục sống ly thân bỏ mặc nhau, không còn tình nghĩa vợ chồng. Với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị A được ly hôn Ah H là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ah chị có một con chung là Phạm Quỳnh Hương, sinh ngày 15/8/2023. Hiện con đAg ở cùng với chị A. Chị A xin được tiếp tục nuôi hai con và không yêu cầu Ah H cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình làm việc với Toà án, Ah H xin nuôi con nhưng Ah không trình bày và không cung cấp cho Toà án để chứng minh điều kiện nuôi con của Ah, Ah không tham gia hoà giải, không tham gia phiên toà. Mặt khác, hiện nay con chung chưa đủ 36 tháng tuổi, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình thì con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trong khi chị A có đủ điều kiện để nuôi con. Do vậy, HĐXX giao cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị A không yêu cầu Ah H cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, vay nợ, công sức: không phải giải quyết.

[5] Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

***Vì các lẽ trên,***

**QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quA hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thu A. Xử cho chị Phạm Thị Thu A được ly hôn Ah Phạm Xuân H.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị Thu A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Phạm Quỳnh Hương, sinh ngày 15/8/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị A không yêu cầu Ah H cấp dưỡng nuôi con chung.

Ah Phạm Xuân H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Không phải giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Thu A phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai ký hiệu BLTU/25E số 0003261 ngày 08/10/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố P. Chị Phạm Thị Thu A đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- VKSND Khu vực 13- P;
- THADS thành phố P;
- Phòng THADS Khu vực 13- P;
- Các đương sự;
- UBND xã V (Giấy CNKH số 27/2023 do UBND xã Nghĩa A cấp ngày 24/3/2023);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn ThAh Nhàn**